

BỘ Y TẾ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4822/QĐ-BYT

Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Hệ thống biểu mẫu
báo cáo thống kê công tác y dược xã hội và cách ghi chép**

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật Thống kê ngày 17 tháng 6 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

Căn cứ Nghị định số 03/2010/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức thống kê Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31/8/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Y, Dược xã hội và cách ghi chép.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê công tác y dược xã hội và cách hướng dẫn ghi chép biểu mẫu.

Điều 2. Hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê công tác y dược xã hội và cách ghi chép này áp dụng cho các đơn vị (Bộ, ngành, viện, có chức năng chuyên môn và các trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm của Bộ Y tế và Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

Điều 3. Giao cho Cục Quản lý Y, Dược xã hội và cách ghi chép - Bộ Y tế có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện ghi chép biểu mẫu, phương pháp thu thập số liệu, trình tự báo cáo và lĩnh vực y dược xã hội và cách ghi chép. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các đơn vị, địa phương báo cáo với Cục Quản lý Y, Dược xã hội và cách ghi chép để nghiên cứu, giải quyết.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Quyết định này thay thế Quyết định số 934/QĐ-BYT ngày 22/3/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc Ban hành Hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê công tác y dược xã hội và cách ghi chép.

Điều 5. Các Ông (Bà) Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng, Tổng cục trưởng Tổng cục DS-KHHGĐ thuộc Bộ Y tế, Giám đốc các đơn vị, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nội dung:

- Nội dung Điều 5 (để thực hiện);
- Bộ trưởng Bộ Y tế (để báo cáo);
- Lưu: VT, YDCT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Xuyên

Tên cơ quan quản lý.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Tên đơn vị báo cáo:.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

syt_dongnai_vt_Le Thi Dung_13/01/2023 14:30:34

BÁO CÁO

THỰC HIỆN CÔNG TÁC Y, DƯỢC CẤP TRUYỀN NĂM 201.....

Ngày.....tháng.....năm 201.....

(Ban hành kèm theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế

số : 4822/QĐ-BYT, ngày 12 tháng 11 năm 2015)

Ngày nhận báo cáo: Từ ngày 01/01 đến ngày 15/01

Đơn vị báo cáo:

Nội dung báo cáo: Các Quản lý Y, Dược cấp truyền, Bộ Y tế

Địa chỉ: 138A Giảng Võ - Ba Đình - Hà Nội

**HỒ THẺ NG BIỂU MẪU BÁO CÁO THẺ NG KÊ
CÔNG TÁC Y DƯỢC C C TRUYỀN VÀ CÁCH HẸNG NG DẪN GHI CHÉP**
(Ban hành kèm theo quyết định số : 4822/QĐ-BYT, ngày 12 tháng 11 năm 2015

của Bộ trưởng Bộ Y tế)

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Hồ thẻ ng biểu mẫu u thẻ ng kê công tác Y, D c c truyền

Hồ thẻ ng Biể u mẫ u báo cáo thẻ ng kê công tác y, d c c truyền g m 17 biể u mẫ u báo đ c đánh s t biể u 01 đ n đ n biể u 17 ban hành kèm theo Quy t đ nh s : 4822/QĐ-BYT, ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Bộ tr ng Bộ Y t .

2. Chế đ thẻ ng kê báo cáo

2.1. Đ nh kỳ h ng năm các địa ph ng, đ n v báo cáo theo các biể u mẫ u quy đ nh.

2.2. Đ n v g i báo cáo:

- Các đ n v (B nh vi n, vi n có gi ng b nh và các tr ng đ i h c y, d c) tr c thu c Bộ Y t

- S Y t các t nh, thành ph tr c thu c Trung ng.

2.3. Đ n v nh n báo cáo: Bộ Y t (C c Quản lý Y, D c c truyền);

2.4. Hình th c báo cáo: B ng văn b n có đóng d u của đ n v báo cáo và file m m theo địa ch Email: kehoachtaichinhdydct@gmail.com

2.5. Th i gian thẻ ng kê s ki u: S li u thẻ ng kê trong báo cáo đ c tính đ n h t ngày 31/12 của kỳ báo cáo.

2.6. Yêu c u văn b n báo cáo: Văn b n báo cáo s đ ng mã Unicode và font ch Times New Roman

3. Th c hi n báo cáo

- Các đ n v (B nh vi n, vi n có gi ng b nh, b nh vi n th c hành thu c tr ng đ i h c y) tr c thu c Bộ Y t : Th c hi n báo cáo các biể u mẫ u 01, 02, 03, 04, 05.

- Các đ n v (Tr ng đ i h c y, d c và các Trung tâm đào tạo thu c b nh vi n, vi n có gi ng b nh) tr c thu c Bộ Y t : Th c hi n báo cáo các biể u mẫ u 03, 04, 05.

- S Y t các t nh, thành ph tr c thu c Trung ng: Th c hi n báo cáo

các biểu mẫu 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17.

Chú ý:

- Đối với bệnh viện thực hành thực các trường đại học y và đơn vị đào tạo thực các bệnh viện, viện có giám sát bệnh sau khi thu thập số liệu và hoàn thành báo cáo gửi về đơn vị chủ quản để tổng hợp hoặc có thể gửi trực tiếp hai nơi: Bộ Y tế (Cục Quản lý Y, Dược cấp chuyên) và đơn vị chủ quản để tổng hợp.

- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào các biểu mẫu báo cáo gửi về các phòng chức năng, các đơn vị trực thuộc và tuyển dấn để lấy số liệu và tổng hợp hoàn thành báo cáo.

4. Mối t s ch vi t t t:

BHYT	B o hi m y t
GS	Giáo s
PGS	Phó Giáo s
TS	Ti n sĩ
Ths	Th c sĩ
CKII	Chuyên khoa II
CKI	Chuyên khoa I
KTV	K thu t viên
GV	Gi ng viên
TW	TW
STT	S th t
XN	Xét nghi m
YDCT	Y d c c truy n
YHCT	Y h c c truy n
YHHĐ	Y h c hi n đ i
YDHCT	Y d c h c c truy n

II. HƯỚNG DẪN CÁCH GHI CHÉP

1. Biểu mẫu 01: Khám, chữa bệnh

STT	Tiêu chí	Tổng số
I. Tổng số khám và điều trị của bệnh viện, viện có giường bệnh		
1	Tổng số lượt khám bệnh /1 năm	
2	Tổng số lượt điều trị ngoại trú/1 năm	
3	Tổng số lượt điều trị nội trú và nội trú ban ngày/1 năm	
II. Tổng số khám và điều trị của Khoa/liên khoa Y học cổ truyền trong các bệnh viện, viện có giường bệnh		
4	Tổng số lượt khám bệnh /1 năm	
5	Tổng số lượt điều trị ngoại trú/1 năm	
6	Tổng số lượt điều trị nội trú và nội trú ban ngày/1 năm	

Mục đích:

Biểu mẫu 01 sẽ dùng để thống kê số liệu về khám, chữa bệnh của các đơn vị (Bệnh viện, viện có giường bệnh, bệnh viện thực hành thu thập thông tin về các trường hợp điều trị và thu thập BHYT).

Một số khái niệm

- **Khái niệm lượt khám bệnh:** Là một lần người bệnh đến cơ sở y tế để thăm khám và lâm sàng hoặc kết hợp với lâm sàng hay thủ thuật thăm dò khác nhằm mục đích chẩn đoán và điều trị.

Đội ngũ nhân sự thực hiện hợp đồng quy định như sau:

+ Sau khi khám một chuyên khoa nếu cần phải gọi người bệnh đi khám thêm các chuyên khoa khác thì một lần khám một chuyên khoa được tính một lần khám bệnh.

+ Trong trường hợp nhiều thầy thuốc chuyên khoa cùng hội chẩn trực tiếp một người bệnh thì chỉ tính một lần khám bệnh.

+ Trong trường hợp người bệnh khám một chuyên khoa nhiều lần trong ngày cũng chỉ tính một lần khám bệnh.

+ Trong trường hợp người bệnh đi điều trị ngoại trú thì lần khám đầu tiên cũng như các lần khám tiếp theo, một lần khám của y, bác sĩ được tính là một lần khám bệnh. (Trường hợp bệnh nhân nhận kết quả XN, chuyển về khám lại... Cũng chỉ tính 1 lần).

Người ngắ i bnh đn phòng khám ch đ th c hi n các ph ng pháp đi u tr theo ch đnh c a y, bác s thì không tính là n khám bnh. M i chăm sóc c a y tá (đi u đ ng), n h sinh, k thu t viên... đ u không đ c tính là n khám bnh, ví d: Ngắ i bnh đn đ nhn thu c, băng bó, r a v t th ng, tiêm thu c...

- **Khái ni m v i l t khám bnh:** L t khám bnh là m t ngắ i bnh đn khám bnh, khám s c kh e đnh kỳ...đ c ghi chép vào s khám bnh, có th l y ho c không l y đn thu c, nh ng không không làm h s bnh án. “M t ngắ i bnh trong m t l t khám bnh có th có nhi u n khám bnh n u ngắ i bnh khám nhi u chuyên khoa...”

- **Khái ni m v i l t đi u tr ngo i trú:** Là ngắ i bnh sau khi đn khám l n đ u đ c l p h s bnh án, có k ho ch đi u tr t ng đ t, ngắ i bnh có th đi u tr t i nhà ho c v n làm vi c nh ng đ c th y thu c theo dõi đnh kỳ, ti p t c khám l i nhi u l n và đi u tr theo đn có ghi chép vào bnh l ch gi a các l n khám cho đn khi kh i bnh ho c n đnh

- **Khái ni m v i l t đi u tr n i trú:** Là ngắ i bnh sau khi đã làm các th t c nh p vi n đ c vào n m t i các khoa lâm sàng trong bnh vi n và đ c h ng t t c m i ch đ chăm sóc đi u tr đã quy đnh. Đ i v i ngắ i bnh sau khi hoàn thành th t c nh p vi n đ c tính là l t ngắ i bnh đi u tr n i trú.

Ph ng pháp ghi chép: B i u 01 g m 02 ph n và 6 dòng

- Ph n th nh t: Th ng kê chung s li u v ho t đ ng khám, ch a bnh c a bnh vi n, vi n có gi ng bnh

+ Dòng th 1: T ng s l t khám bnh c a ngắ i bnh t i bnh vi n, vi n có gi ng bnh/1 năm, tính đn h t ngày 31/12 c a kỳ báo cáo.

+ Dòng th 2: T ng s l t đi u tr ngo i trú c a ngắ i bnh t i bnh vi n, vi n có gi ng bnh/1 năm, tính đn h t ngày 31/12 c a kỳ báo cáo.

+ Dòng th 3: T ng s l t đi u tr n i trú c a bnh vi n, vi n có gi ng bnh/1 năm, tính đn h t ngày 31/12 c a kỳ báo cáo.

- Ph n th hai: Ghi chép v ho t đ ng khám, ch a bnh b ng YHCT, k t h p YHCT v i YHHĐ t i khoa/liên khoa YHCT trong bnh vi n YHHĐ: Dòng 4,5,6 ghi t ng t nh dòng 1,2,3 nh ng là ho t đ ng c a khoa/liên khoa YHCT

- Đối với bệnh viện, viện có giám sát bệnh thuộc lĩnh vực YDCT (VD: BV YHCT TW, BV Châm cứu TW...) thì điền các chỉ số tại phần thi nhất.

syt_dongnai_vt_Le Thi Dung_13/01/2023 14:30:34

2. Biểu mẫu 02: Cơ cấu nhân lực

Cơ cấu nhân lực	Chung	Khoa/liên khoa YHCT
(1)	(2)	(3)
a) Tổng số Bác sĩ		
- Giáo sư bác sĩ		
- Phó giáo sư bác sĩ		
- Tiến sĩ Y khoa		
- Thạc sĩ Y khoa		
- Bác sĩ chuyên khoa II		
- Bác sĩ chuyên khoa I		
- Bác sĩ nội trú		
- Bác sĩ		
b) Tổng số Dược sĩ		
- Giáo sư Dược sĩ		
- Phó giáo sư Dược sĩ		
- Tiến sĩ Dược khoa		
- Thạc sĩ Dược khoa		
- Dược sĩ chuyên khoa II		
- Dược sĩ chuyên khoa I		
- Dược sĩ Điều dưỡng		
- Dược sĩ Cao đẳng		
- Dược sĩ Trung học/KTV điều dưỡng		
c) Tổng số Điều dưỡng		
- Giáo sư điều dưỡng		
- Phó giáo sư điều dưỡng		
- Tiến sĩ điều dưỡng		
- Thạc sĩ điều dưỡng		
- Điều dưỡng điều dưỡng		
- Cao đẳng điều dưỡng		
- Trung học điều dưỡng		
d) Tổng số Kỹ thuật viên Y		
- Thạc sĩ KTV		
- Điều dưỡng KTV		
- Cao đẳng KTV		
- Trung học KTV		
e) Tổng số các cán bộ khác:		
- Giáo sư		
- Phó giáo sư		
- Tiến sĩ		
- Thạc sĩ		
- Điều dưỡng		
- Cao đẳng		
- Trung học		
- Hộ lý		
- Y công		
TỔNG CỘNG (a+b+c+d+e)		

Mục đích:

Biểu mẫu 02 sẽ dùng ghi chép các thông tin về cá nhân và trình nhân lực của các đơn vị (Bệnh viện, viện có giám sát bệnh; bệnh viện thực hành thu thập thông tin dịch tễ) trực thuộc Bộ Y tế

Chú ý:

- Mục đích ghi chép được tích vào cột thông kê mức độ và lý do giảm, giảm và cao nhất, trong trường hợp với 1 người có 2 hoặc 3 bệnh dịch tễ hoặc bệnh đào tạo sau dịch tễ khác với bệnh dịch tễ thì chỉ được phép lấy 1 bệnh chuyên ngành thu thập lĩnh vực chuyên môn đang làm hoặc 1 bệnh có trình độ cao nhất làm căn cứ báo cáo.

- Đối với mục c, d thông kê trình độ phải đúng chuyên ngành đã nêu (VD: 1 người dịch tễ dịch tễ dịch tễ và cao nhất quản lý bệnh viện, khi điền vào “mục c” chỉ được điền là bệnh dịch tễ chuyên ngành dịch tễ, không được điền vào dòng Thực tế, nếu không điền vào “mục c” mà muốn điền là Thực tế thì điền vào “mục e” hoặc nếu từ nghiệp vụ ngành dịch tễ nghiệp vụ làm ở các phòng chức năng thì điền thông kê vào mục e).

- Đối với mục e “Thông số cán bộ khác”:

+ Thông kê số liệu không bao gồm những chức danh, chuyên ngành đã thông kê ở mục a, b, c, d.

+ Hình lý, Y công là những nhân viên do bệnh viện quản lý.

Phương pháp ghi chép: Biểu 02 gồm 03 cột

- Cột 1: Các chức năng nhân lực cần báo cáo

- Cột 2: Điền rõ các chức năng cá nhân, trình độ nhân lực chung của toàn bệnh viện, viện có giám sát bệnh tính đến thời điểm 31/12 của kỳ báo cáo

- Cột 3: Điền rõ các chức năng cá nhân và trình độ nhân lực của khoa/tổ YHCT trong bệnh viện, viện có giám sát bệnh tính đến thời điểm 31/12 của kỳ báo cáo

- Đối với bệnh viện, viện có giám sát bệnh thuộc lĩnh vực YDCT thì điền vào cột 2.

3. Biểu mẫu 03: Cơ cấu nhân lực tham gia giảng dạy

Cơ cấu nhân lực	Chung		Yếu tố cần truy cập	
	GV cơ hữu	GV thỉnh giảng	GV cơ hữu	GV thỉnh giảng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
a) Tổng số Bác sĩ				
- Giáo sư bác sĩ				
- Phó giáo sư bác sĩ				
- Tiến sĩ Y khoa				
- Thạc sĩ Y khoa				
- Bác sĩ chuyên khoa II				
- Bác sĩ chuyên khoa I				
- Bác sĩ nội trú				
- Bác sĩ				
b) Tổng số Dược sĩ				
- Giáo sư Dược sĩ				
- Phó giáo sư Dược sĩ				
- Tiến sĩ Dược sĩ				
- Thạc sĩ Dược sĩ				
- Dược sĩ chuyên khoa II				
- Dược sĩ chuyên khoa I				
- Dược sĩ Điều dưỡng				
c) Tổng số Điều dưỡng				
- Giáo sư điều dưỡng				
- Phó giáo sư điều dưỡng				
- Tiến sĩ điều dưỡng				
- Thạc sĩ điều dưỡng				
- Điều dưỡng điều dưỡng				
d) Tổng số Kỹ thuật viên Y				
- Thạc sĩ KTV				
- Điều dưỡng KTV				
- Cao đẳng KTV				
e) Tổng số các cán bộ khác:				
- Giáo sư				
- Phó Giáo sư				
- Tiến sĩ				
- Thạc sĩ				
- Điều dưỡng				
- Cao đẳng				
- Trung học				
Tổng Cộng (a+b+c+d+e)				

Mục đích:

Biểu mẫu 03 sẽ dùng ghi chép các thông tin về cơ cấu và trình độ nhân lực tham gia giảng dạy của trường đại học, các trung tâm đào tạo thực hành

viện, viện có giấy phép

Chú ý:

- Mời mời người chỉ định tích vào cột thông kê mời lên và lấy học hàm, học vị cao nhất, trong trường hợp với 1 người có 2 hoặc 3 bằng đại học hoặc bằng đào tạo sau đại học khác với bằng đại học thì chỉ định phép lấy 1 bằng chuyên ngành thuộc lĩnh vực chuyên môn đang làm hoặc 1 bằng có trình độ cao nhất làm căn cứ báo cáo.

- Đối với mức c, d thông kê trình độ phải đúng chuyên ngành đã nêu (VD: 1 người đại học đại học điều dưỡng và cao học quản lý bệnh viện, khi điền vào “mức c” chỉ định điền là bằng đại học chuyên ngành điều dưỡng, không định điền vào dòng Thạc sĩ, nếu không điền vào “mức c” mà muốn điền là Thạc sĩ thì điền vào “mức e” hoặc nếu tốt nghiệp ngành điều dưỡng như làm ở các phòng khám năng thì điền thông kê vào mức e).

- Đối với mức e “Thông số cán bộ khác”: Thông kê số liệu không bao gồm những chức danh, chuyên ngành đã thông kê ở mức a,b,c,d.

Phương pháp ghi chép: Biểu mẫu 5 cột

- Cột 1: Các chức danh liên quan báo cáo

- Cột 2: Điền rõ các chức vụ và trình độ nhân lực tham gia giảng dạy của họ chung của trường đại học, bệnh viện, viện có giấy phép bệnh có trung tâm đào tạo tính đến thời điểm 31/12 của kỳ báo cáo.

(Giảng viên của họ của trường đại học công lập là viên chức được tuyển dụng, số dụng và quản lý theo quy định của pháp luật về viên chức)

- Cột 3: Điền rõ các chức vụ của nhân lực tham gia giảng dạy thành giảng viên chung của trường đại học, bệnh viện, viện có giấy phép bệnh có trung tâm đào tạo tính đến thời điểm 31/12 của kỳ báo cáo.

(Thành giảng viên là viên chức số giáo dục mầm non nhà giáo hoặc người có đủ tiêu chuẩn của nhà giáo được quy định tại điều 2 Thông tư 44/2011/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và phải đảm bảo các tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 điều 70 Luật giáo dục)

- Cột 4: Điền như cột 2

(Giảng viên của họ của trung tâm, khoa, bộ môn, tham gia giảng dạy về

lĩnh vực YDCT)

- Cột 5: Điểm nhận xét 3

(Giảng viên thỉnh giảng của trung tâm, khoa, bộ môn, tham gia thỉnh giảng về lĩnh vực YDCT)

- Đối với trung tâm đào tạo thu nhập bình vốn YHCT TW, bình vốn Chăm sóc TW, Học viện YDHCT Việt Nam được điểm vào cột 4 và 5

4. Biểu mẫu 04: Đào tạo nhân lực tại các cơ sở đào tạo tuyển TW

Bảng 1: Bảng số và trình độ học viên, sinh viên được đào tạo chuyên ngành y

Tên số học viên, sinh viên tốt nghiệp	Trình độ chuyên môn cán bộ y tế được đào tạo							
	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Chuyên khoa II	Chuyên khoa I	Bác sĩ nội trú	Bác sĩ định hướng	Bác sĩ	Cấp nhân
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Chung toàn điểm								
Trong đó Y học cơ bản								

Bảng 2: Bảng số và trình độ học viên, sinh viên được đào tạo chuyên ngành dược

Tên số học viên, sinh viên tốt nghiệp	Trình độ chuyên môn cán bộ y tế được đào tạo						
	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Chuyên khoa II	Chuyên khoa I	Dược sĩ dược học	Dược sĩ cao dùng	Dược sĩ trung học
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Chung toàn điểm							
Trong đó Dược học cơ bản							

Mục đích:

Biểu mẫu 04 sẽ dùng ghi chép các thông tin về tình hình đào tạo nhân lực tại các cơ sở đào tạo tuyển TW (Trên địa phương, nước ngoài, các trung tâm đào tạo thu nhập bình vốn, vốn có giảng viên bình).

Chú ý:

Biểu này dùng để kê số lượng học viên, sinh viên tốt nghiệp trong các cơ sở đào tạo và được cấp văn bằng, đối với các loại hình đào tạo chỉ cấp bằng thì không tính vào chỉ số thực kê

Phương pháp ghi chép: Biểu 04 gồm 2 bảng, mỗi bảng gồm 2 dòng, bảng 1 gồm 9 cột. bảng 2 gồm 8 cột

- Bảng 1: là số học viên, sinh viên tốt nghiệp thu nhập chuyên ngành y gồm

(bác sĩ, cĩ nhân y hĩc) tĩt nghiĩp trong năm cũa đĩn vĩ đĩ ào tĩo

+ Cĩ t 1: Chĩ tiêu báo cáo chung cũa đĩn vĩ và lĩnh vĩ c y hĩc cũ truyĩn

+ Cĩ t 2 đĩn 7: Sĩ lĩĩng các hĩc viĩn tĩt nghiĩp sau đĩi hĩc thuĩc chuyên ngành y hĩc cũa đĩn vĩ đĩ ào tĩo

+ Cĩ t 8: Sĩ bác sĩ tĩt nghiĩp trong năm cũa đĩn vĩ đĩ ào tĩo (bác sĩ lâm sàng và đĩ phòng)

+ Cĩ t 9: Sĩ cũ nhân tĩt nghiĩp trong năm cũa đĩn vĩ đĩ ào tĩo (đĩu đĩĩng, kĩ thuĩt viĩn y hĩc, dinh đĩĩng, khĩc xĩ nhĩn khoa, cũ nhân y tĩ cĩng cũng...)

- Bĩng 2: là sĩ hĩc viĩn, sinh viĩn tĩt nghiĩp thuĩc chuyên ngành đĩĩc trong năm cũa đĩn vĩ đĩ ào tĩo

+ Cĩ t 1: Chĩ tiêu báo cáo chung cũa đĩn vĩ và lĩnh vĩ c đĩĩc cũ truyĩn

+ Cĩ t 2 đĩn 5: Sĩ lĩĩng các hĩc viĩn tĩt nghiĩp sau đĩi hĩc thuĩc chuyên ngành đĩĩc cũa đĩn vĩ đĩ ào tĩo

+ Cĩ t 6: Sĩ đĩĩc sĩ tĩt nghiĩp trong năm cũa đĩn vĩ đĩ ào tĩo

+ Cĩ t 7: Sĩ sinh viĩn tĩt nghiĩp trĩĩ đĩ cao đĩĩng đĩĩc trong năm cũa đĩn vĩ đĩ ào tĩo

+ Cĩ t 8: Sĩ sinh viĩn tĩt nghiĩp trĩĩ đĩ trung cũp đĩĩc trong năm cũa đĩn vĩ đĩ ào tĩo

5. Bĩu 05: Nghiĩn cũ u khoa hĩc

Tên đĩa phĩĩng, đĩn vĩ báo cáo	Trong đĩ											
	Cĩ p nhĩn cũc			Cĩ p bĩ			Cĩ p tĩĩn/Thĩn phĩ			Cĩ p cũ sĩ		
	Đĩng trĩĩn khai	Nghiĩ m thu	ĩĩng đĩĩng	Đĩng trĩĩn khai	Nghiĩ m thu	ĩĩng đĩĩng	Đĩng trĩĩn khai	Nghiĩ m thu	ĩĩng đĩĩng	Đĩng trĩĩn khai	Nghiĩ ĩĩm thu	ĩĩng đĩĩng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)

Mĩc đĩĩch:

Bĩu mĩu 05 sĩ đĩĩng ghi chép các thĩĩng tĩn vĩ tĩĩn hĩĩn nghiĩn cũ u khoa hĩc tĩĩ các đĩĩa phĩĩng, đĩn vĩ vĩ lĩnh vĩ c YDCT

Chĩ ý:

Đĩi vĩĩ các đĩ tài nghiĩn cũ u hĩĩp tác quĩĩc tĩĩ, nghiĩn cũ u theo hĩĩp

đăng thì Hội đồng nghiên cứu thu cấp nào thì khi thông kê xếp vào cấp độ tài đó

Phương pháp ghi chép: Biểu 05 gồm 16 cột

+ Cột 1: Điền tên địa phương, đơn vị báo cáo.

+ Cột 2, 5, 8, 11: Điền số lượng đề tài nghiên cứu khoa học ở các cấp đang triển khai tính đến ngày 31/12 tại địa phương, đơn vị báo cáo và lĩnh vực y, dược cấp huyện.

+ Cột 3, 6, 9, 12: Điền số lượng đề tài nghiên cứu khoa học ở các cấp đã nghiệm thu trong năm tính đến 31/12 tại địa phương, đơn vị báo cáo và lĩnh vực y, dược cấp huyện.

+ Cột 4, 7, 10, 13: Điền số lượng đề tài nghiên cứu khoa học ở các cấp được đưa vào ứng dụng trong năm tính đến 31/12 tại địa phương, đơn vị báo cáo và lĩnh vực y, dược cấp huyện.

6. Biểu 06: Hình thức quản lý YDCT tại địa phương

Bảng 1: Mô hình quản lý tại Sở Y tế

Mô hình tổ chức	Trình độ đào tạo							
	Tổng số	Tiến sĩ	Thạc sĩ	CKII	CKI	Bác sĩ	Đặc sĩ Đai học	Khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Phòng quản lý YDCT								
Chuyên viên chuyên trách								
Chuyên viên bán chuyên trách								

Bảng 2: Mô hình quản lý tại tuyến huyện

Tuyến huyện	Cán bộ		Trình độ đào tạo							
	Chuyên trách	Bán chuyên trách	Tổng số	Tiến sĩ	Thạc sĩ	CKII	CKI	Bác sĩ	Đặc sĩ Đai học	Khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
Tổng số										

Mục đích:

Biểu mẫu 06 số để ghi chép các thông tin về mô hình tổ chức quản lý

công tác YDCT tại địa phương

Phương pháp ghi chép: Biểu 06 gồm 02 bảng

- Bảng 1: Mô hình và trình độ cán bộ làm công tác quản lý tại Sở Y tế, bảng có 3 dòng và 9 cột

+ Cột 1: Mô hình quản lý cấp Sở Y tế, nếu thuộc mô hình nào thì trong phần trình độ chuyên môn điền vào dòng tương ứng

+ Cột từ 2 đến 8: là trình độ chuyên môn của cán bộ làm công tác quản lý, nếu cán bộ có nhiều văn bằng thì sẽ dùng văn bằng chuyên môn cao nhất hoặc văn bằng đang sử dụng theo vị trí việc làm tại cơ quan, điền vào và tích vào cột tương ứng. Đối với mô hình phòng có nhiều cán bộ, có bao nhiêu tích vào bấy nhiêu, trường hợp có nhiều hơn 02 cán bộ cùng trình độ và chuyên ngành thì có thể thay tích bằng việc ghi số tương ứng để với số cán bộ có cùng trình độ và chuyên ngành

+ Cột 9: nếu cán bộ có trình độ chuyên môn không thuộc cột từ 2 đến 8, ví dụ cấp nhân thì điền vào cột 9

- Bảng 2: Hệ thống và trình độ cán bộ làm công tác quản lý tại tuyến huyện, bảng có 11 cột

+ Cột 1: Điền tên đơn vị hành chính cấp huyện trong tỉnh

+ Cột 2 và 3: Mô hình quản lý cấp huyện, nếu có cán bộ theo dõi công tác quản lý thuộc mô hình nào thì tích vào cột đó

+ Cột từ 4 đến 10: Là trình độ chuyên môn của cán bộ làm công tác quản lý, nếu cán bộ có nhiều văn bằng thì sẽ dùng văn bằng chuyên môn cao nhất hoặc văn bằng đang sử dụng theo vị trí việc làm tại cơ quan, điền vào và tích vào cột tương ứng.

+ Cột 11: Nếu cán bộ có trình độ chuyên môn không thuộc cột từ 4 đến 9, ví dụ cấp nhân thì điền vào cột 11

7. Biểu mẫu 07: Hồ sơ khám, chữa bệnh YDCT

Bảng 1: Hồ sơ bệnh viện y đức c cấp huyện

STT	Bệnh viện YDCT cấp huyện					
	Tên bệnh viện	Diện tích bệnh viện		Hạng bệnh viện	Số giường nội trú	Số giường ngoại trú
		Diện tích chung	Diện tích sử dụng			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1						
2						
Tổng số						

Bảng 2: Hồ sơ ngành khoa/tổ YHCT trong cơ sở khám, chữa bệnh bệnh YHHĐ

STT	Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tỉnh, khu vực, huyện					
	Tên cơ sở khám, chữa bệnh	Khoa YHCT	Tổ YHCT	Hạng bệnh viện	Số giường nội trú bệnh viện	Số giường ngoại trú YHCT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Tuyến tỉnh					
1						
2						
...						
Tổng số						
II	Tuyến huyện					
1						
2						
...						
Tổng số						
III	Bệnh viện đa khoa khu vực					
1						
2						
...						
Tổng số						
IV	Phòng khám đa khoa khu vực					
1						
2						
...						
Tổng số						

Mục đích:

Biểu mẫu 07 sẽ dùng ghi chép các thông tin về hồ sơ khám, chữa bệnh y đức cấp huyện tại địa phương

Phương pháp ghi chép: Biểu 07 gồm 2 bảng

- Bảng 1: Có 7 cột

8. Biểu mẫu 08: Y tế xã

STT	Tên huyện	Trong đó								
		Tổng số trạm y tế xã	Số xã có vùng thuộc miền	Số xã triển khai BHYT trong KCB	Số trạm y tế có triển khai KCB bằng BHYT		Số xã triển khai điều trị bằng thuốc Thành phẩm YHCT	Số xã triển khai điều trị bằng thuốc Thang	Số xã triển khai điều trị không dùng thuốc	Số xã đạt tiêu tiên về YHCT
					Tổng số	Số xã được quỹ BHYT thanh toán				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1										
2										
3										
4										
5										
6										
7										
8										
...										
Tổng số										

Mục đích:

Biểu mẫu 08 sẽ dùng ghi chép các thông tin về tiêu chí đánh giá công tác y tế của các trạm y tế tại huyện xã, phường, thị trấn (Các trạm y tế xã, phường, thị trấn gọi chung là xã)

Phương pháp ghi chép: Biểu 08 gồm 11 cột

- + Cột 1: Số thôn
- + Cột 2: Điền đầy đủ tên đơn vị hành chính cấp huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (Gọi chung là cấp huyện) tại địa phương
- + Cột 3: Điền tổng số trạm y tế xã của huyện phường
- + Cột 4: Điền tổng số trạm y tế xã của huyện phường có triển khai triển vọng thuộc miền

(Theo quy định tại trong danh mục thu thập dữ liệu Bộ Y tế ban hành kèm theo Thông tư 40/2013/TT-BYT ngày 18/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Quyết định số 647/QĐ-BYT ngày 14/2/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc Ban hành “Tiêu chí xác định xã tiên tiến về y tế của các trạm”, áp dụng cho các xã, phường, thị trấn)

- + Cột 5: Điền số xã có triển khai BHYT trong hoạt động khám, chữa bệnh tại trạm của huyện phường

+ Cột 6: Điểm số xã có triển khai khám, chữa bệnh bằng YHCT tại trạm của huyện tiếp nối

+ Cột 7: Điểm số xã được quy BHYT thanh toán trong hoạt động khám, chữa bệnh bằng YHCT tại trạm của huyện tiếp nối

+ Cột 8: Điểm số xã có triển khai số động thu thập thành phẩm trong hoạt động khám, chữa bệnh bằng YHCT của huyện tiếp nối

+ Cột 9: Điểm số xã có triển khai số động thu thập thang (Thu thập bệnh, thu thập nam) trong hoạt động khám, chữa bệnh bằng YHCT của huyện tiếp nối

+ Cột 10: Điểm số xã có triển khai số động phòng ngừa pháp điều trị không dùng thuốc (châm cứu, xoa bóp, bấm huyệt...) trong hoạt động khám, chữa bệnh bằng YHCT của huyện tiếp nối

+ Cột 11: Điểm số xã tiên tiến về YHCT của huyện tiếp nối

(Theo Quyết định số 647/QĐ-BYT ngày 14/2/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc Ban hành “Tiêu chí xác định xã tiên tiến về y dược cộng đồng”, áp dụng cho các xã, phường, thị trấn)

9. Biểu 09: Hành nghiệp tiếp nhân

STT	Tên huyện	Bệnh viện YHCT tiếp nhân	Phòng chẩn trị YHCT		Cố số hành nghiệp bài thuốc gia truyền	Cố số xuất thuốc đông dược	Cố số bán buôn dược liệu	Cố số bán lẻ dược liệu	Các lợi ích hành nghiệp khác
			Trong nội địa	Có yếu tố nước ngoài					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1									
2									
3									
4									
...									
Tổng số									

Mục đích:

Biểu mẫu 09 số động ghi chép các thông tin về cố số hành nghiệp YDCT tiếp nhân tại các tỉnh, thành phố trực thuộc TW

Phương pháp ghi chép: Biểu 09 gồm 10 cột

+ Cột 1: Số thứ tự

+ Cột 2: Điền đầy đủ tên đơn vị hành chính cấp huyện tại địa phương

+ Cột 3: Điền số bệnh viện YHCT tại nhân đang hoạt động của huyện
tỉnh

+ Cột 4: Điền số phòng chẩn trị YHCT đang hoạt động trên địa bàn của
huyện tỉnh

+ Cột 5: Điền số phòng chẩn trị YHCT đang hoạt động trên địa bàn của
huyện tỉnh có yếu tố nước ngoài

(Có yếu tố nước ngoài là trong các hành nghề có người nước ngoài
phải là Việt Nam hoặc có tham gia đầu tư, góp vốn, quản lý hoặc trực tiếp
hành nghề chuyên môn khám, chữa bệnh tại các)

+ Cột 6: Điền số phòng chẩn trị YHCT đang hoạt động bằng bài thuốc gia
truyền trên địa bàn của huyện tỉnh

+ Cột 7: Điền số các sản xuất thuốc đông dược đóng trên địa bàn của
huyện tỉnh và đang hoạt động

+ Cột 8: Điền số các bán buôn dược liệu đóng trên địa bàn của huyện
tỉnh và đang hoạt động

+ Cột 9: Điền số các bán lẻ dược liệu đóng trên địa bàn của huyện
tỉnh và đang hoạt động

+ Cột 10: Điền các loại hình hoạt động khác không thuộc các loại hình đã
điền tại cột số 3 đến cột số 9

10. Biểu 10: Công trình hành nghề và giấy phép hoạt động

Biểu 1: Thông kê số liệu công trình hành nghề tích lũy từ lúc triển khai đến thời điểm báo cáo

STT	Các loại hình hoạt động	Công trình hành nghề			Giấy phép hoạt động		
		Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận	Đã cấp	Thu hồi	Tổng số hồ sơ	Đã cấp	Thu hồi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	Công lập						
1	Bệnh viện YDCT						
2	Bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh						
3	Bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh						
4	Bệnh viện đa khoa tuyến huyện						
5	Bệnh viện đa khoa khu vực						
6	Phòng khám đa khoa khu vực						
7	Trung tâm y tế xã, phường, thị trấn						
II	Tư nhân						
1	Bệnh viện YDCT						
2	Bệnh viện đa khoa						
3	Phòng chẩn trị YHCT						
4	Công trình hành nghề bài thuốc gia truyền						

Biểu 2: Thông kê số liệu công trình hành nghề trong kỳ báo cáo

STT	Các loại hình hoạt động	Công trình hành nghề			Giấy phép hoạt động		
		Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận	Đã cấp	Thu hồi	Tổng số hồ sơ	Đã cấp	Thu hồi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	Công lập						
1	Bệnh viện YDCT						
2	Bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh						
3	Bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh						
4	Bệnh viện đa khoa tuyến huyện						
5	Bệnh viện đa khoa khu vực						
6	Phòng khám đa khoa khu vực						
7	Trung tâm y tế xã, phường, thị trấn						
II	Tư nhân						
1	Bệnh viện YDCT						
2	Bệnh viện đa khoa						
3	Phòng chẩn trị YHCT						
4	Công trình hành nghề bài thuốc gia truyền						

Mục đích:

Biểu mẫu 10 sẽ dùng ghi chép các thông tin liên quan đến việc cấp chứng chỉ hành nghề và giấy phép hoạt động của các đơn vị khám, chữa bệnh bằng YHCT hoặc có liên quan đến YHCT tại các tỉnh, thành phố trực thuộc TW

Phương pháp ghi chép: Biểu mẫu 10 gồm 2 bảng, mỗi bảng 8 cột chia làm 2 phần là công việc và tài nhân

+ Cột 1: Số thứ tự

+ Cột 2: Các loại hình hoạt động

+ Cột 3: Địa điểm sở hữu sở dĩ được cấp chứng chỉ hành nghề của từng loại hình hoạt động từng ngành

+ Cột 4: Địa điểm chứng chỉ hành nghề đã cấp của từng loại hình hoạt động từng ngành

+ Cột 5: Địa điểm chứng chỉ hành nghề thu hồi (nếu có) của từng loại hình hoạt động từng ngành

+ Cột 6: Địa điểm sở hữu sở dĩ được cấp giấy phép hoạt động của từng loại hình hoạt động từng ngành

+ Cột 7: Địa điểm giấy phép hoạt động đã cấp của từng loại hình hoạt động từng ngành

+ Cột 8: Địa điểm giấy phép hoạt động thu hồi (nếu có) của từng loại hình hoạt động từng ngành

11. Biểu mẫu 11: Khám, chữa bệnh tại địa phương

STT	Tiêu chí	Tỉnh	Huyện	Xã
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I. Tờng sở khám và điều trị chung				
1	Tờng sở tiếp khám bệnh /1 năm			
2	Tờng sở tiếp điều trị ngoại trú/1 năm			
3	Tờng sở tiếp điều trị nội trú và nội trú ban ngày/1 năm			
II. Tờng sở khám và điều trị bệnh Y học cổ truyền				
4	Tờng sở tiếp khám bệnh /1 năm			
5	Tờng sở tiếp điều trị ngoại trú/1 năm			
6	Tờng sở tiếp điều trị nội trú và nội trú ban ngày/1 năm			

Mục đích:

Biểu mẫu 11 sẽ dùng ghi chép các thông tin về khám, chữa bệnh của địa phương trong 3 tuyến (tỉnh, huyện, xã)

Một số khái niệm (Xem phần ghi chú thích từ biểu mẫu 01)

Phương pháp ghi chép: Biểu mẫu 01 gồm 2 phần, 5 cột và 6 dòng

+ Cột 1: Số thứ tự

+ Cột 2: Các chỉ tiêu cần lấy

+ Cột 3: Điểm chỉ tiêu khám, chữa bệnh tại tuyến tỉnh

+ Cột 4: Điểm chỉ tiêu khám, chữa bệnh tại tuyến huyện

+ Cột 5: Điểm chỉ tiêu khám, chữa bệnh tại tuyến xã

- Phần thứ nhất: Ghi chép chung về hoạt động khám, chữa bệnh của địa phương

+ Dòng thứ 1: Tổng số lượt khám bệnh của người bị bệnh trong các cơ sở KCB tại địa phương/1 năm, tính đến hết ngày 31/12 của kỳ báo cáo

+ Dòng thứ 2: Tổng số lượt điều trị ngoại trú của người bị bệnh trong các cơ sở KCB tại địa phương/1 năm, tính đến hết ngày 31/12 của kỳ báo cáo

+ Dòng thứ 3: Tổng số lượt điều trị nội trú của người bị bệnh trong các cơ sở KCB tại địa phương/1 năm, tính đến hết ngày 31/12 của kỳ báo cáo

- Phần thứ hai: Ghi chép về hoạt động khám, chữa bệnh bằng YHCT, kết hợp YHCT với YHHĐ trong các cơ sở khám, chữa bệnh tại địa phương. Dòng 4,5,6 ghi tiếp theo từ những dòng 1,2,3 nhưng là hoạt động về khám, chữa bệnh bằng YHCT

12. Biểu 12: Cơ cấu nhân lực địa phương

Cơ cấu nhân lực	Chung			Y định cơ cấu tuyển		
	Tỉnh	Huyện	Xã	Tỉnh	Huyện	Xã
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
a) Tổng số Bác sĩ						
- Giáo sư bác sĩ						
- Phó giáo sư bác sĩ						
- Tiến sĩ Y khoa						
- Thạc sĩ Y khoa						
- Bác sĩ chuyên khoa II						
- Bác sĩ chuyên khoa I						
- Bác sĩ						
- Y sĩ làm công tác điều trị						
- Lược ngữ Y						
b) Tổng số Dược sĩ						
- Giáo sư Dược sĩ						
- Phó giáo sư Dược sĩ						
- Tiến sĩ Dược khoa						
- Thạc sĩ Dược khoa						
- Dược sĩ chuyên khoa II						
- Dược sĩ chuyên khoa I						
- Dược sĩ Điều dưỡng						
- Dược sĩ Cao đẳng						
- Dược sĩ Trung học						
- Dược tá (sĩ học)						
c) Tổng số Điều dưỡng						
- Giáo sư điều dưỡng						
- Phó giáo sư điều dưỡng						
- Tiến sĩ điều dưỡng						
- Thạc sĩ điều dưỡng						
- Điều dưỡng điều dưỡng						
- Cao đẳng điều dưỡng						
- Trung học điều dưỡng						
- Sĩ học điều dưỡng						
d) Tổng số Kỹ thuật viên Y						
- Thạc sĩ KTV						
- Điều dưỡng KTV						
- Cao đẳng KTV						
- Trung học KTV						
- Sĩ học KTV						
e) Tổng số các cán bộ khác:						
- Giáo sư						
- Phó giáo sư						
- Tiến sĩ						
- Thạc sĩ						
- Điều dưỡng						
- Cao đẳng						

- Trung h ₁ c						
- S ₁ h ₁ c						
T ₁ NG C ₁ NG (a+b+c+d+e)						

M₁ c đích:

Bi₁u m₁u 12 s₁ d₁ng ghi chép các thông tin v₁ c₁ c₁u và trình đ₁ nhân l₁c Y t₁ t₁i đ₁a ph₁ ng

(M₁ t s₁ chú ý cách ghi chép xem ph₁ n gi₁ i thích t₁ i bi₁u 02)

Ph₁ ng pháp ghi chép: Bi₁u g₁ m 7 c₁ t

- C₁ t 1: Các ch₁ s₁ nhân l₁c c₁n báo cáo
- C₁ t 2, 3, 4: Đi₁n rõ các ch₁ s₁ c₁ c₁u và trình đ₁ nhân l₁c chung c₁a đ₁a ph₁ ng theo 3 tuy₁n (t₁nh, huy₁n, xã) tính đ₁n th₁ i đi₁m 31/12 c₁a kỳ báo cáo
- C₁ t 5,6,7 Đi₁n rõ các ch₁ s₁ c₁ c₁u và trình đ₁ nhân l₁c ho₁t đ₁ng trong l₁nh v₁ c YDCT c₁a đ₁a ph₁ ng theo 3 tuy₁n (t₁nh, huy₁n, xã) tính đ₁n th₁ i đi₁m 31/12 c₁a kỳ báo cáo.

13. Biểu 13: Công tác đào tạo nhân lực tại địa phương

STT	Tên cơ sở đào tạo	Có khoa YHCT	Có bộ môn YHCT	Có trường YHCT	Số tuyển sinh trong năm		Số tốt nghiệp trong năm	
					Chung	YDCT	Chung	YDCT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1								
2								

Mục đích:

Biểu mẫu 13 sử dụng ghi chép các thông tin về đào tạo nhân lực tại địa phương (Trong các trường đại học, cao đẳng, trung cấp y, dược)

Phương pháp ghi chép: Biểu 13 gồm 9 cột

- + Cột 1: Số trường
- + Cột 2: Tên cơ sở đào tạo nhân lực tại địa phương
- + Cột 3: Nếu cơ sở có khoa YHCT
- + Cột 4: Nếu cơ sở có bộ môn YHCT
- + Cột 5: Nếu cơ sở có trường YHCT
- + Cột 6: Điểm số tổng tuyển sinh chung của cơ sở đào tạo trong năm
- + Cột 7: Điểm số tổng tuyển sinh YDCT của cơ sở đào tạo trong năm
- + Cột 8: Điểm số tổng tốt nghiệp chung của cơ sở đào tạo trong năm
- + Cột 9: Điểm số tổng tốt nghiệp YDCT của cơ sở đào tạo trong năm

14. Biểu 14: Công tác thanh tra, kiểm tra

STT	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực YDCT	Số lần	
		Y	D
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Số cơ sở YDCT được kiểm tra trong năm		
2	Số cơ sở vi phạm		
	Trong đó: Số cơ sở hoạt động không có giấy phép		
	Số cơ sở bệnh phẩm		
	Số cơ sở bệnh chôn cất hoạt động		
	Các hình thức xử phạt khác		

Mục đích:

Biểu mẫu 14 sẽ dùng ghi chép các thông tin về công tác thanh tra, kiểm tra (Chức tính trong khối cơ sở khám, chữa bệnh công lập)

Phương pháp ghi chép: Biểu 14 gồm 6 tiêu chí từ dòng và 4 cột

+ Cột 1: Số thứ tự

+ Cột 2: Tiêu chí đánh giá

+ Cột 3: Điểm số theo nội dung cơ sở thanh tra, kiểm tra và lĩnh vực Y tế truyền

+ Cột 4: số điểm nội dung cơ sở thanh tra, kiểm tra và lĩnh vực DDC cơ sở truyền

15. Biểu 15: Công tác xã hội hóa

STT	Nội dung công tác xã hội hóa trong lĩnh vực YDCT	Số điểm
(1)	(2)	(3)
1	Tổng số điểm về YDCT có triển khai xã hội hóa	
2	Trong đó: Liên doanh, liên kết khám, chữa bệnh	
	Đặt máy	
	Góp vốn	
	Khác	

Mục đích:

Biểu mẫu 15 sẽ dùng ghi chép các thông tin về công tác xã hội hóa (Chức tính trong khối cơ sở khám, chữa bệnh công lập)

Phương pháp ghi chép: Biểu 15 gồm 5 tiêu chí đánh giá từ dòng 1 đến dòng 5 và 3 cột

+ Cột 1: Số thứ tự

+ Cột 2: Tiêu chí đánh giá

+ Cột 3: Điểm số theo nội dung cơ sở triển khai xã hội hóa

16. Biểu 16: Tình hình sản lượng đồ gỗ liều, vật thu c YHCT tại địa phương

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Tổng số tiền mua thu c	1.000đ	
	Chi phí	1.000đ	
	Đồ c liều	1.000đ	
	Vật thu c y h c c truy n	1.000đ	
2	Tổng số kg đồ c liều trong năm	kg	
	Thu c trong n c	kg	
	Thu c nhập khu	kg	
3	Tổng số kg vật thu c y h c c truy n trong năm	kg	
	Thu c trong n c	kg	
	Thu c nhập khu	kg	
4	Số lượng chi phí YHCT sản xuất tại các địa khám, chữa bệnh		

Mục đích:

Biểu mẫu 16 sản lượng ghi chép các thông tin về tình hình sản lượng đồ gỗ liều, vật thu c y h c c truy n tại địa phương

Một số khái niệm

Thu c trong n c: là đồ c liều, vật thu c y h c c truy n có nguồn gốc trong n c, đồ c truy n Vi t Nam.

Thu c nhập khu: là đồ c liều, vật thu c có nguồn gốc n c ngoài, đồ c nhập khu vào Vi t Nam.

Phương pháp ghi chép: Biểu 15 gồm 4 cột

- + Cột 1: Số thời
- + Cột 2: Các chỉ tiêu thống kê
- + Cột 3: Đơn vị tính khi thống kê số liều
- + Cột 4: Số lượng đã sản lượng theo đơn vị tính tại cột 3

17. Biểu 17: Dự án phát triển đồ c liều tại địa phương

STT	Tên dự án/dự án	Số lượng các loài đồ c liều	Địa điểm thực hiện	Đơn vị thực hiện	Tổng vốn đầu tư (trillion đồng)	
					Ngân sách nhà nước	Nguồn khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1						
2						
...						

Mục đích:

Biểu mẫu 17 sẽ dùng ghi chép các thông tin về đề án/dự án phát triển dòng c liêu tị địa phương

Phương pháp ghi chép: Biểu 16 gồm 7 cột

+ Cột 1: Số thứ tự

+ Cột 2: Điền tên các đề án/dự án triển khai phát triển dòng c liêu tị địa phương

+ Cột 3: Điền số lượng các loài dòng c liêu tị triển khai trong đề án/dự án

+ Cột 4: Điền địa điểm triển khai thực hiện đề án/dự án

+ Cột 5: Điền tên đơn vị chủ trì thực hiện đề án/dự án

+ Cột 6: Điền tổng số tiền đầu tư cho đề án/dự án thu về ngân sách nhà nước

+ Cột 7: Điền tổng số tiền đầu tư cho đề án/dự án thu về các nguồn kinh phí huy động khác.

**KT. BÍ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Xuyên